

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Đức Mạnh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Đức Mạnh

Mã SV: 1412402038

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH
Quang Hải

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp;
- Tìm hiểu thực tế kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị thực tập;
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị thực tập

- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn trong công tác hạch toán kế toán

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Suu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu năm 2017 tại Công ty TNHH Quang Hải

.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Quang Hải

.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngàythángnăm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Đức Mạnh

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thúy Hồng
Đơn vị công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: **Bùi Đức Mạnh** Chuyên ngành: Kế toán - kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải
Nội dung hướng dẫn: Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán Nguyên vật liệu trong DN
Chương 2: Thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải
Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- + Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi
- + Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ quy định.
- + Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán Nguyên vật liệu tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm

Giảng viên hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì phải có những phương án sản xuất và chiến lược kinh doanh có hiệu quả. Để làm được điều đó, các doanh nghiệp phải luôn cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm các yếu tố đầu vào, hạ giá thành sản phẩm.

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng. Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Do đó việc hạch toán nguyên vật liệu luôn được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Công tác hạch toán nguyên vật liệu đúng sẽ giúp cho doanh nghiệp cung cấp vật liệu một cách kịp thời, đầy đủ, đồng thời kiểm tra và giám sát chặt chẽ việc chấp hành các định mức dự trữ tiêu hao vật liệu, đảm bảo sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm có hiệu quả, hạ giá thành sản phẩm, đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

Nhận thức về tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty TNHH Quang Hải, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc, các cô chú phòng kế toán Công ty, em đã chọn và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải.

Chương 3: Nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải.

Do điều kiện thời gian có hạn nên không tránh được những thiếu sót, em rất mong có sự giúp đỡ của cô chú trong Công ty cũng như sự chỉ bảo của giảng viên hướng dẫn Ths Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU (NVL) TRONG DOANH NGHIỆP THEO TT 133/2016

1.1 Khái quát chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nó tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm được sản xuất ra. Nguyên vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, và khi tham gia vào quá trình sản xuất dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị, chúng bị tiêu hao hoàn toàn hoặc bị thay đổi hình thái ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Do vậy, nếu thiếu nó thì quá trình sản xuất kinh doanh không thể tiến hành được, nguyên vật liệu được cung cấp đầy đủ đồng bộ, đảm bảo chất lượng là điều kiện quyết định khả năng tái sản xuất mở rộng.

1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu

Về mặt giá trị, khi tham gia vào quá trình sản xuất, nguyên vật liệu chuyển một lần toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do vậy nguyên vật liệu thuộc loại tài sản lưu động, vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp, nên việc quản lý quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu trực tiếp ảnh hưởng đến các chỉ tiêu như: sản lượng, chất lượng sản phẩm, giá thành, lợi nhuận,...

Vì nguyên vật liệu là đối tượng lao động nên có những đặc điểm là tham gia vào một chu kỳ sản xuất, thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng và chuyển toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm được sản xuất ra.

1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất

- Trong các DN sản xuất, nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp đồng thời là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất sản phẩm

- Nguyên vật liệu có vị trí quan trọng trong các DN sản xuất kinh doanh, giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của một DN, chúng là đối tượng lao động trực tiếp của quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.

- Thiếu nguyên vật liệu sản xuất sẽ bị đình trệ, giá trị sản phẩm của DN phụ thuộc rất nhiều vào tình hình biến động chi phí nguyên vật liệu vì chúng thường chiếm 60-80% giá thành sản phẩm. Từ đó cho thấy chi phí nguyên vật liệu có ảnh hưởng không nhỏ tới lợi nhuận của DN.

1.1.4 Công tác quản lý nguyên vật liệu

Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu là quản lý ở tất cả các khâu, từ khâu thu mua đến bảo quản, dự trữ và sử dụng. Cụ thể là:

- **Ở khâu thu mua:** Quản lý chặt chẽ quá trình thu mua nguyên vật liệu về các mặt số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí mua cũng như các kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN . Vì vậy DN phải thường xuyên phân tích tình hình thu mua nguyên vật liệu, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn mua, đảm bảo về số lượng, chủng loại, quy cách với giá cả, chi phí mua là thấp nhất.

- **Ở khâu bảo quản:** Phải đảm bảo tổ chức tốt kho tàng bền bỉ, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với vật liệu, hệ thống kho tàng, phương tiện vận chuyển phải phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại vật tư nhằm hạn chế mất mát hư hỏng vật tư trong quá trình vận chuyển, bảo quản, đảm bảo an toàn vật tư về cả số lượng, chất lượng.

- **Ở khâu dự trữ:** Phải lập dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại, đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị ngưng trệ, song cũng không dư thừa quá mức (không vượt quá mức tối đa) để tăng vòng quay của vốn và không nhỏ quá mức tối thiểu để sản xuất được liên tục, bình thường.

- **Quá trình sử dụng:** Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, và dự toán chi phí sản xuất có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hạ thấp chi phí và giá thành.

Do vậy trong khâu sản xuất cần lập định mức tiêu hao nguyên vật liệu và có quy chế trách nhiệm cụ thể đối với việc sử dụng nguyên vật liệu, xác định đúng giá trị nguyên vật liệu đã sử dụng để tính vào chi phí.

1.1.5 Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại vật liệu là việc nghiên cứu, sắp xếp các vật liệu theo công dụng, nội dung, chủng loại, tính chất, thương phẩm của chúng.

Do quá trình sản xuất của doanh nghiệp sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau cho những mục đích khác nhau để nhằm chế tạo ra sản phẩm thực hiện lao vụ dịch vụ nên cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo những tiêu thức và đặc trưng nhất định.

*** Phân loại theo nội dung kinh tế**

Theo nội dung kinh tế, nguyên vật liệu được chia ra thành các loại như sau:

- **Nguyên liệu, vật liệu chính:** Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- **Vật liệu phụ:** Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

- **Nhiên liệu:** Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- **Vật tư thay thế:** Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

* Phân loại theo nguồn nhập

Căn cứ vào nguồn nhập, nguyên vật liệu được chia thành :

- Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh
- Nguyên vật liệu mua ngoài : Từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu
- Nguyên vật liệu tự gia công sản xuất

* Phân loại theo mục đích công dụng

Căn cứ vào mục đích công dụng, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng để trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm
- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: Phục vụ quản lý ở các phân xưởng, tổ, đội sản xuất, cho quản lý doanh nghiệp, bán hàng

1.2 Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất.

* Nguyên tắc đánh giá:

- Nguyên tắc giá gốc (Theo chuẩn mực 02- hàng tồn kho): NVL phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là giá thực tế của NVL, là toàn bộ các chi phí mà DN đã bỏ ra để có được những NVL ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Nguyên tắc thận trọng: Biểu hiện ở chỗ DN có đánh giá chính xác mức độ giảm giá NVL khi thấy có sự chênh lệch giữa giá hạch toán trên sổ kế toán với giá thị trường, dựa trên cơ sở đó lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật tư, hàng hoá phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp kế toán nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. DN có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

* Các phương pháp đánh giá nguyên vật liệu

Về nguyên tắc nguyên vật liệu là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho được đánh giá theo trị giá thực tế. Khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp quy định. Tuy nhiên để đơn giản và giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập – xuất – tồn NVL.

1.2.1 Cách xác định giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho:

* **Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:** Giá thực tế nhập kho là trị giá vốn thực tế nhập kho

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá mua trên hoá đơn} + \text{Chi phí thu mua} + \text{Thuế nhập khẩu, thuế TTĐB (nếu có)} - \text{Các khoản giảm trừ (nếu có)}$$

- Giá mua trên hóa đơn: là giá trị hàng hóa trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng;

+ Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua thực tế là giá không có thuế GTGT đầu vào

+ Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và là cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế thì giá mua thực tế là giá mua đã có thuế GTGT

+ Đối với nguyên vật liệu mua vào sử dụng đồng thời cho cả hai hoạt động chịu thuế GTGT thì về nguyên tắc phải hạch toán riêng và chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với phần nguyên vật liệu chịu thuế GTGT đầu ra

- Chi phí thu mua gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,... nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí

của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có)

- Thuế nhập khẩu, thuế TTĐB: là các loại thuế tính cho NVL nhập khẩu
- Các khoản giảm trừ: như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán....

*** Đối với NVL do doanh nghiệp tự gia công chế biến:**

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá thực tế sản xuất (giá thành công xưởng)}$$

*** Đối với NVL do doanh nghiệp thuê gia công chế biến:**

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá thực tế NVL xuất gia công chế biến} + \text{Chi phí gia công chế biến}$$

Trong đó, chi phí thuê ngoài gia công bao gồm: Tiền thuê gia công phải trả, chi phí vận chuyển đến cơ sở gia công và ngược lại.

*** Đối với NVL nhận góp vốn liên doanh, cổ phần là:**

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Trị giá vốn góp do hội đồng liên doanh xác định} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ (nếu có)}$$

*** Đối với NVL được Nhà nước cấp:**

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Trị giá vốn NSNN} + \text{Chi phí phát sinh (nếu có)}$$

*** Đối với NVL là phế liệu thu hồi:**

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá ước tính trên thị trường}$$

1.2.2 Cách xác định giá thực tế vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho NVL tùy thuộc vào đặc

điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện trang bị phương tiện trang bị kỹ thuật tính toán ở từng DN mà lựa chọn một trong các phương pháp sau để xác định trị giá vốn thực tế của NVL xuất kho.

*** Phương pháp giá thực tế đích danh**

- Theo phương pháp này, khi xuất kho NVL thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá thực tế của NVL xuất kho.
- Phương pháp này được áp dụng cho những DN có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

*** Phương pháp bình quân gia quyền.**

- Theo phương pháp bình quân gia quyền, căn cứ vào giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị vật liệu. Căn cứ vào lượng vật liệu xuất trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định được giá thực tế của vật liệu xuất trong kỳ

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

- Đơn giá bình quân gia quyền được tính theo 2 cách :

+ **Cách 1:** Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

+ **Cách 2:** Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

*** Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này vật liệu nhập trước được xuất dùng hết mới xuất dùng đến lần nhập sau. Do đó, giá vật liệu xuất dùng được tính hết theo giá nhập kho lần trước, xong mới tính theo giá nhập kho lần sau. Như vậy, giá thực tế vật liệu tồn cuối kỳ chính là giá thực tế vật liệu nhập kho thuộc các lần mua vào sau cùng

1.3 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.3.1 Nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu

Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển ngày một đa dạng, các loại hình doanh nghiệp cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi phải làm ăn có hiệu quả. Một trong những giải pháp tối ưu cho vấn đề này là doanh nghiệp phải chú ý tới công tác quản lý nguyên vật liệu sao cho đạt hiệu quả tốt nhất nhằm mục đích hao phí vật tư ít nhất mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn kho, trị giá vốn của từng loại nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp

- Tính giá vật liệu theo chế độ qui định và phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật tư, hàng hoá sử dụng vật tư cho sản xuất và kế hoạch bán hàng

- Thường xuyên phân tích tình hình cung cấp, dự trữ, sử dụng vật liệu, đối chiếu với các mức dự trữ để kịp thời xuất, nhập vật liệu thiếu hoặc thừa so với định mức xuất. Từ đó đề xuất với doanh nghiệp điều chỉnh kịp thời kế hoạch cung cấp đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra đều đặn và liên tục

1.3.2 Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về nguyên vật liệu gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 -VT)

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá, sản phẩm (Mẫu 03- VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 05-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06-VT)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu (Mẫu số 07-VT)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, trong các doanh nghiệp có thể sử dụng các chứng từ kế toán hướng dẫn và các chứng từ khác tùy thuộc tình hình đặc điểm của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế, hình thức sở hữu khác nhau.

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất, bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu, nội dung và phương pháp.

1.3.3 Tài khoản sử dụng

* **TK 152: “ Nguyên liệu, vật liệu”** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

- Kết cấu TK 152

Nợ	152	Có
SDDK: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ		
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác; - Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê; - Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn; - Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua; - Chiết khấu thương mại được hưởng khi mua nguyên liệu, vật liệu; - Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê; - Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ). 	

Tổng SPS Nợ	Tổng SPS Có
SDCK: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ	

* **Tài khoản 151: “Hàng mua đang đi đường”** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư (nguyên liệu, vật liệu; công cụ, dụng cụ; hàng hóa) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng đến cuối kỳ vẫn còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Kết cấu TK 151:

Nợ	151	Có
SDDK: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường kỳ trước (chưa về nhập kho doanh nghiệp).		
- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường; - Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).		- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng; - Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).
Tổng SPS Nợ	Tổng SPS Có	
SDCK: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho doanh nghiệp).		

* **Tài khoản 611: “Mua hàng”** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Kết cấu TK 611:

Nợ	611	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán và hàng hóa gửi đi bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ); - Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

1.3.4 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Hạch toán chi tiết vật liệu là việc theo dõi, ghi chép thường xuyên liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp về số lượng (hiện vật) và giá trị.

Tùy theo phương thức kinh doanh, tùy theo yêu cầu và trình độ quản lý mà việc ghi chép phản ánh của thủ kho và kế toán cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa hạch toán nghiệp vụ ở kho và phòng kế toán được tiến hành theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư

a) Phương pháp thẻ song song

- Ở kho: Hàng ngày khi có chứng từ nhập - xuất, thủ kho phải tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi căn cứ vào số lượng thực nhập, thực xuất trên chứng từ để ghi vào thẻ kho liên quan, mỗi chứng từ ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư, cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số lượng nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng

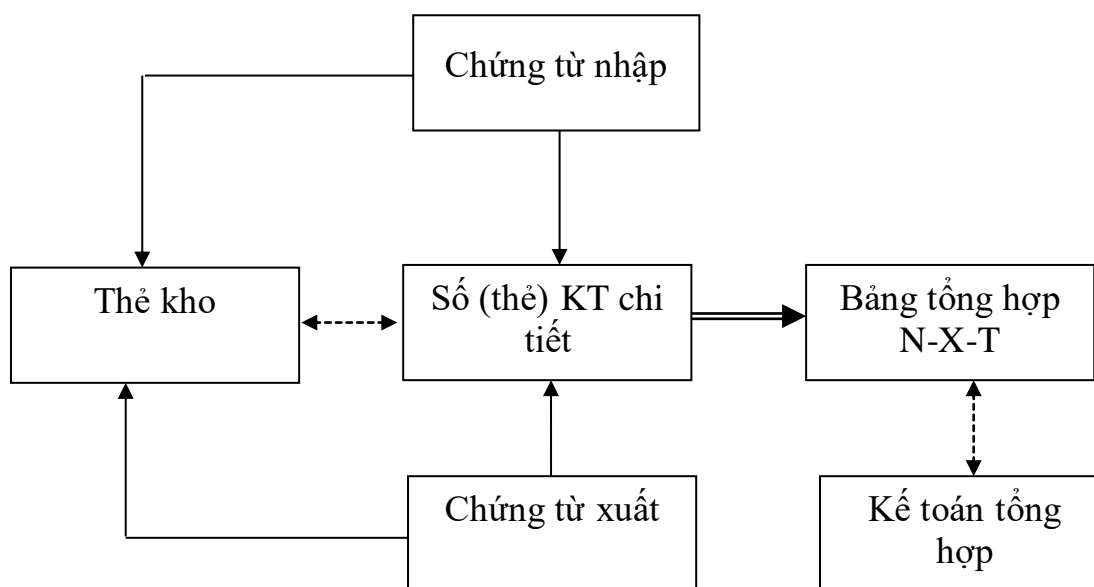
danh điểm vật liệu. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho hàng ngày. Sổ chi tiết được theo dõi cả về mặt hiện vật và giá trị khi nhận được các chứng từ nhập- xuất kho do thủ kho chuyển đến, nhân viên kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra đối chiếu chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ liên quan như (hoá đơn GTGT, phiếu mua hàng...).

Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và số tồn kho của từng danh điểm vật liệu. Số lượng NVL tồn kho phản ánh trên sổ kế toán chi tiết phải được đối chiếu khớp với số tồn kho ghi trên thẻ kho tương ứng. Sau khi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho, số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

Có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết NVL theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

* **Ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng của phương pháp thẻ song song**

+ **Ưu điểm:** ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

+ **Nhược điểm:** việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp các chỉ tiêu về số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu các yếu tố tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán.

+ **Phạm vi áp dụng:** Thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại vật tư, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên và nghiệp vụ của kế toán chuyên môn còn hạn chế.

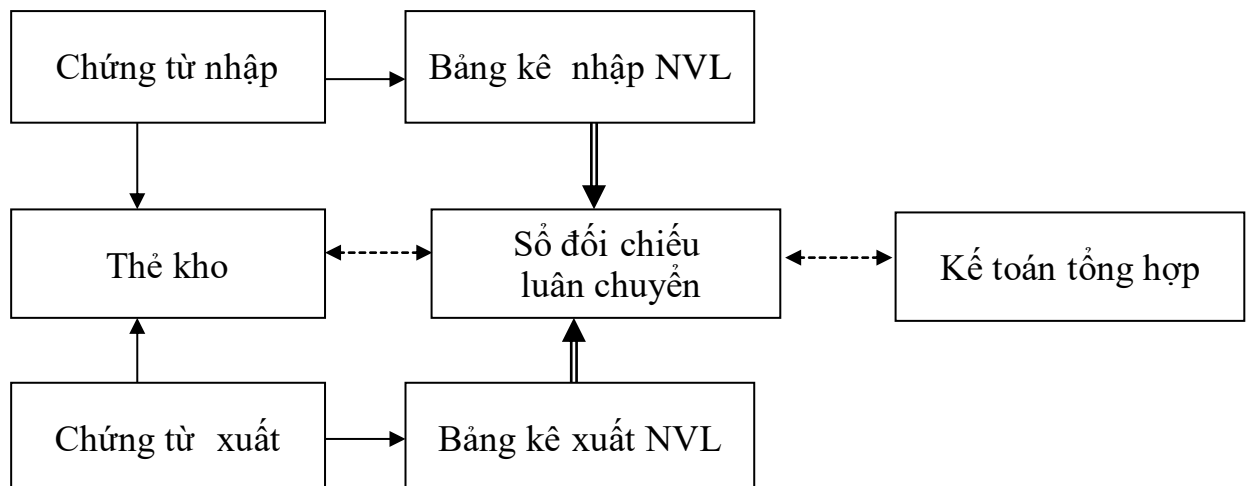
b) Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

- Ở kho: Thủ kho cũng tiến hành ghi chép, phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu ở từng kho dùng cho cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng. Cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập xuất theo từng danh điểm NVL và từng kho kế toán lập bảng kê nhập, xuất vật tư và dựa vào bảng kê này để ghi sổ đối chiếu tổng lượng nhập của từng thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển, đồng thời từ sổ đối chiếu luân chuyển để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp NVL.

Có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết NVL theo sơ đồ 1.2

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

+ **Ưu điểm:** khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

+ **Nhược điểm:** việc ghi sổ kế toán trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành vào cuối tháng nên công tác kiểm tra bị hạn chế.

+ **Phạm vi áp dụng:** áp dụng thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có không nhiều nghiệp vụ nhập – xuất; không bố trí riêng nhân viên kế toán vật tư, do vậy không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

c) Phương pháp sổ số dư

- Nguyên tắc hạch toán: ở kho theo dõi từng thứ NVL, phòng kế toán chỉ theo dõi từng nhóm NVL.

- Ở kho: Thủ kho cũng dùng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn theo chỉ tiêu hiện vật, cuối tháng, thủ kho còn sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho của vào cuối kỳ theo chỉ tiêu số lượng hoặc hiện vật.

Sổ số dư do phòng kế toán mở sử dụng cho cả năm được chuyển xuống kho cho thủ kho. Thủ kho căn cứ vào sổ số dư cuối tháng của từng thứ vật tư trên thẻ kho để ghi vào cột số lượng trên sổ số dư sau đó chuyển sổ số dư cho phòng kế toán.

- Ở phòng kế toán: Kế toán dựa vào số lượng nhập xuất của từng danh điểm NVL được tổng hợp từ các chứng từ nhập xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra các kho theo định kỳ 3,5 hoặc 10 ngày một lần kèm theo phiếu giao nhận chứng từ và giá hạch toán để tính trị giá thành tiền NVL nhập, xuất theo từng danh điểm, từ đó ghi vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn (bảng này được mở theo từng kho) cuối kỳ tiến hành tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm NVL trên sổ số dư với tồn kho trên bảng lũy kế nhập, xuất, tồn. Từ bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật tư để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp về vật tư.

1.3.5 Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.3.5.1 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

**** Nội dung phương pháp kê khai thường xuyên***

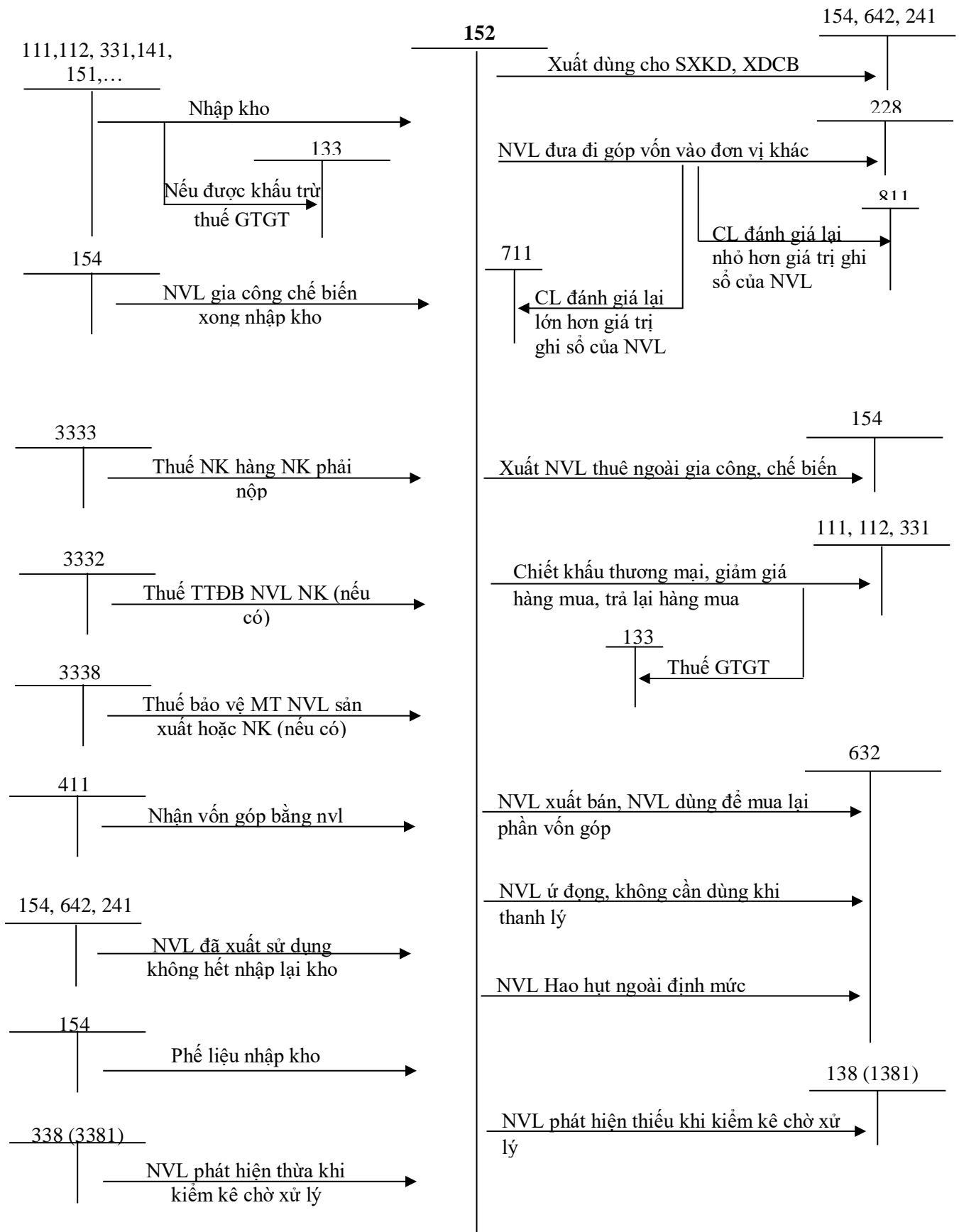
- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi phản ánh thường

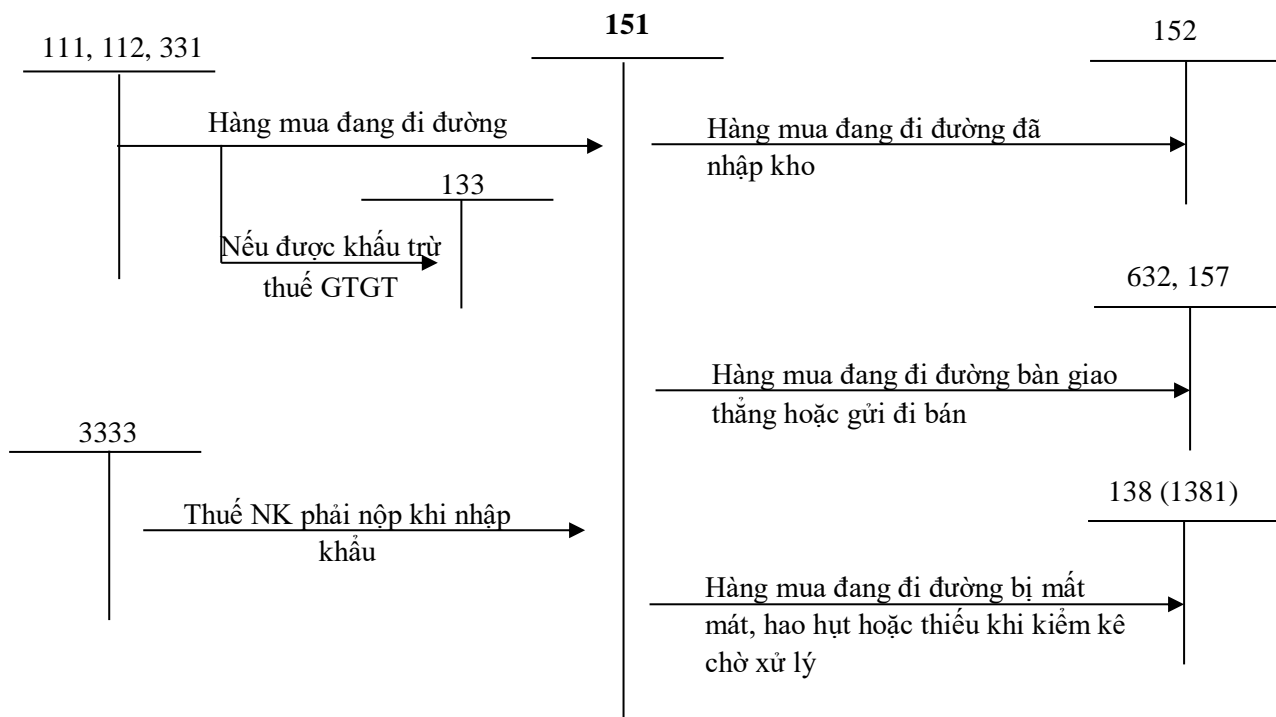
xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Phương pháp kê khai thường xuyên dùng cho các tài khoản kế toán tồn kho nói chung và các tài khoản vật liệu nói riêng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm vật liệu của hàng hoá. Vì vậy, nguyên vật liệu tồn kho trên sổ kế toán được xác định bất cứ lúc nào trong kỳ kế toán

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật liệu tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn kho trên sổ kế toán, nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời

- Phương pháp kê khai thường xuyên thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị sản xuất kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn

Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX theo TT 133/2016





Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX theo TT 133/2016

1.3.5.2 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị hàng xuất kho trong kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ}$$

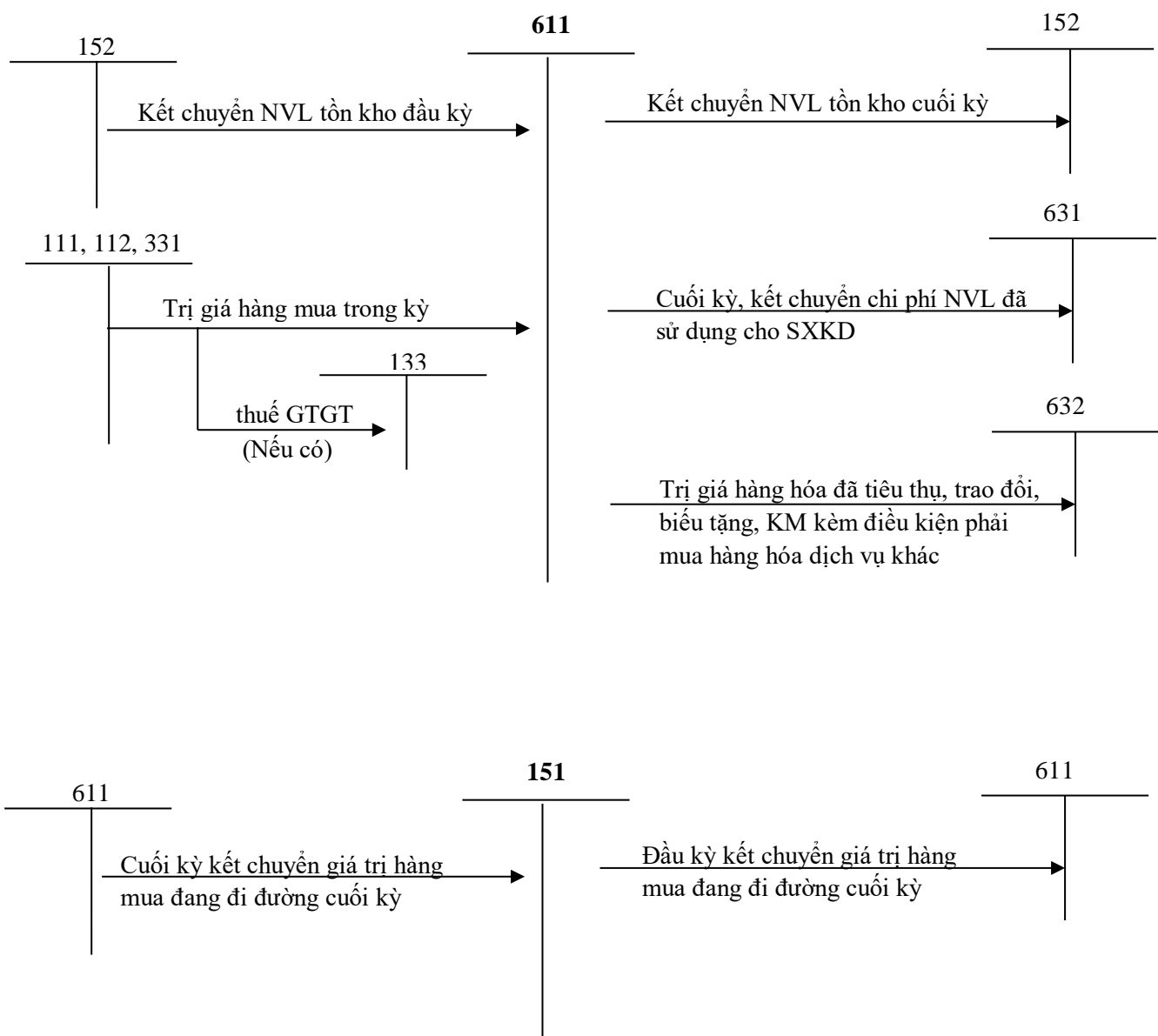
- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi, phản ánh trên Tài khoản 611 “Mua hàng”.

- Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế, giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của Tài khoản 611 “Mua hàng”. Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các

tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

- Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng bán lẻ...). Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho có ưu điểm là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán. Nhưng độ chính xác về giá trị vật tư, hàng hóa xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quầy, bên bãi.

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK theo TT 133/2016



1.4 Các hình thức sổ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp theo TT 133/2016

- Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

- Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

+ Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít

+ Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý;

+ Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán;

+ Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

- Theo TT 133/2016, các DN có thể áp dụng ghi sổ kế toán theo một trong 4 hình thức kế toán mà Bộ Tài chính ban hành sau:

+ Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung;

+ Hình thức sổ kế toán Nhật ký sổ cái;

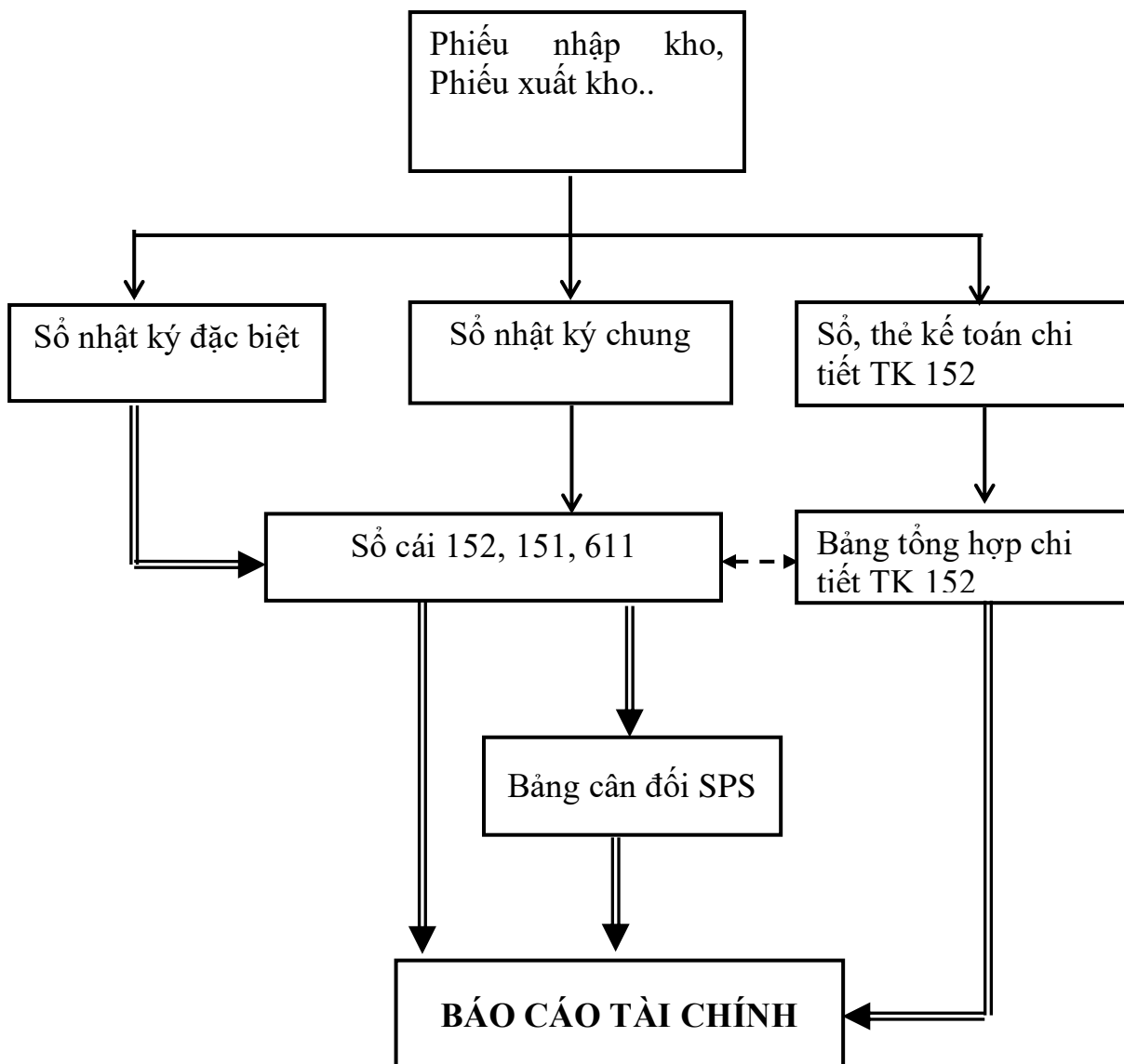
+ Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ;

+ Hình thức kế toán máy.

1.4.1 Hình thức nhật ký chung (NKC).

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán NKC là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy các số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

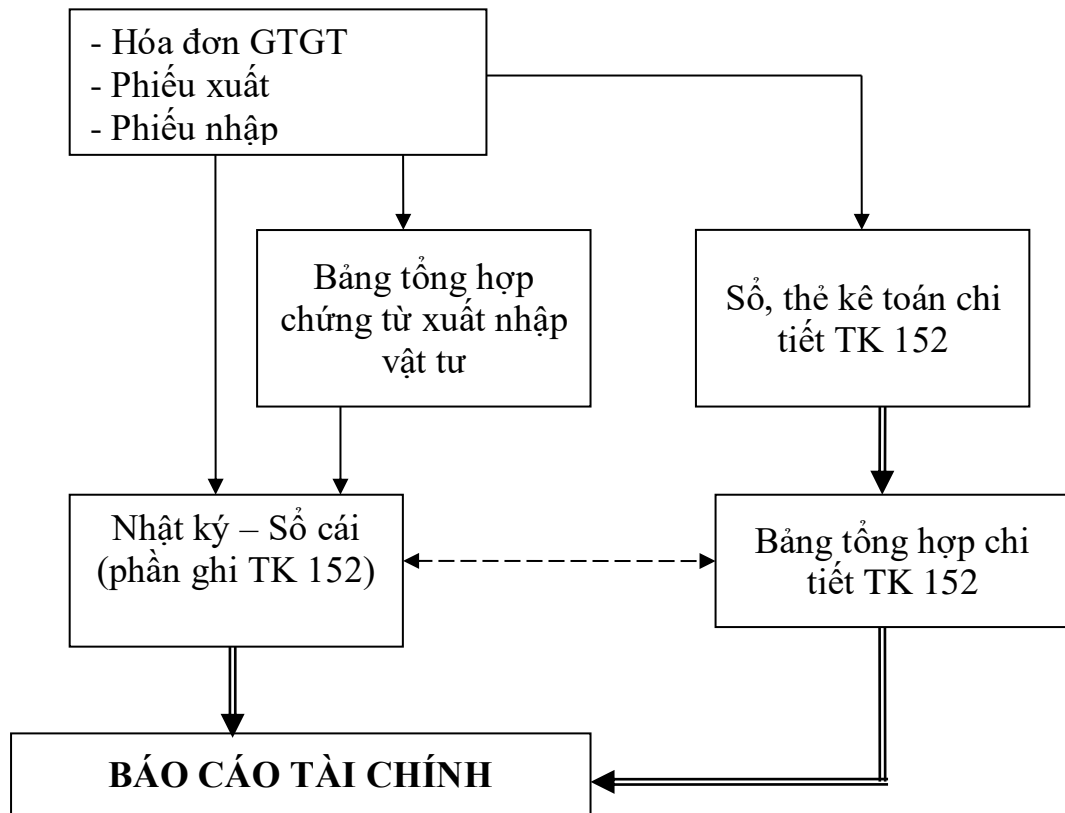
Hàng ngày tập hợp các chứng từ kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, Sổ, thẻ kế toán chi tiết. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu số liệu khớp với Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

1.4.2: Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: ==>

Kiểm tra, đối chiếu: <--->

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ để ghi sổ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

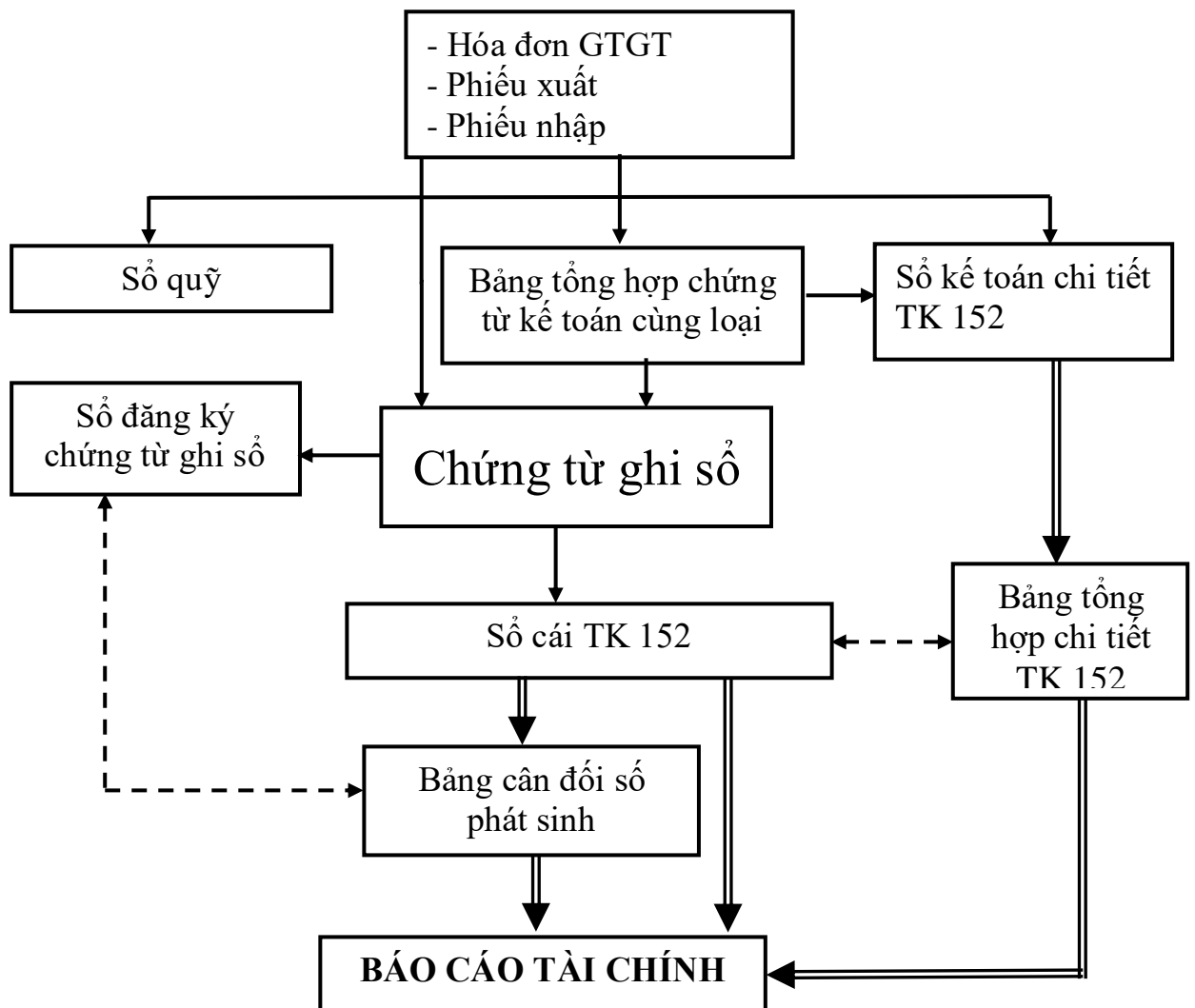
Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh đầu quý và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối quý của tài khoản trên trên Nhật ký – Sổ cái.

Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu và dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là CTGS

Sơ đồ 1.8. Trình tự kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú

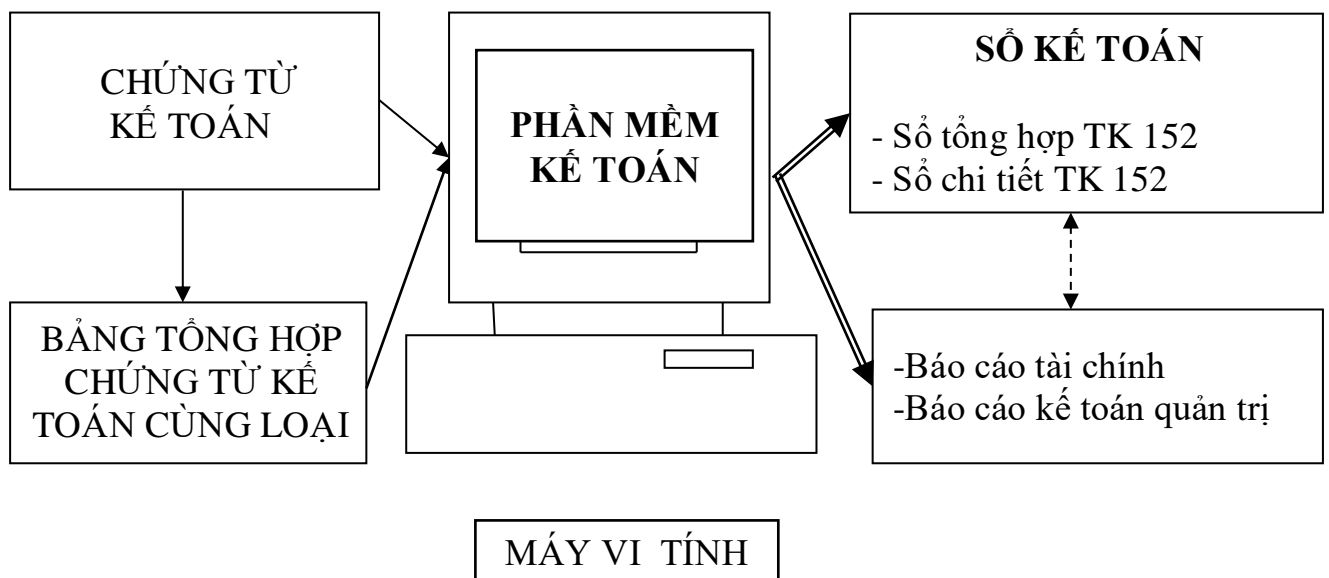
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⇄

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Kế toán lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào đó để vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, số dư trên Sổ cái rồi căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

1.4.4. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính



theo quy định.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH QUANG HẢI

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Quang Hải

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

- Tên công ty : Công ty TNHH Quang Hải
- Trụ sở : Cụm 1, Lục Độ, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành Phố Hải Phòng
- Giám Đốc : Ông Bùi Trắc Vinh
- MST : 0400450733
- Điện thoại : 02253886253
- Email : nuocmamquanghai@gmail.com

Nghị quyết Đại hội 6 Huyện đảng bộ Cát Hải (1991-1995) xác định kinh tế Biển là nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu. Xuất khẩu thủy sản, chế biến nước mắm là mũi nhọn. Nhận thức rõ tầm quan trọng của sự phát triển kinh tế nhiều thành phần. Tâm huyết với nghề làm nước mắm cổ truyền Cát Hải, một số cán bộ, công nhân nghỉ hưu đã cùng chung ý tưởng thành lập cơ sở chế biến thủy sản (1990-1992). Được sự giúp đỡ của UBND huyện Cát Hải và tạo điều kiện của các cơ quan ban ngành, đoàn thể của Huyện và thành phố. Những người đặt nền móng ban đầu cho cơ sở chế biến thủy sản đã quyết định thành lập công ty, nay là công ty TNHH Quang Hải.

Công ty TNHH Quang Hải được thành lập theo giấy phép số 82 – UB ngày 03 tháng 6 năm 1993 của UBND thành phố Hải Phòng.

Ngày nay, Công ty TNHH Quang Hải tiếp bước những thế hệ tạo lên sản phẩm truyền thống như: mắm Quyền, mắm Chất... được ghi nhận là một trong những đặc sản của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Nước mắm Quang Hải là một thương hiệu nổi tiếng của vùng đất Cát Hải. Nguyên liệu để tạo lên sản phẩm truyền thống được kết tinh, chất lọc từ nhiều loại cá biển: cá Nhâm, cá nục, cá Cơm....tươi ngon có giá trị dinh dưỡng cao tại vùng biển Cát Bà, Quảng Ninh, Vịnh Bắc Bộ và được

ngâm ủ, đánh quậy hàng ngày theo quy trình riêng của nghề truyền thống đảo Cát Hải, nên nước mắm Quang Hải luôn giữ được những tinh túy mà vùng đất Cát Hải đem lại và có nét đặc trưng riêng biệt.

*** *Khó khăn:***

Nguyên liệu để sản xuất ngày càng khan hiếm, giá cả đầu vào tăng, quá trình cạnh tranh trên thị trường ngày càng phức tạp hơn, nạn hàng giả, hàng nhái mẫ mã, nhãn mác, sản phẩm của công ty làm ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất kinh doanh của công ty.

*** *Thuận lợi:***

Công ty liên tục phát triển tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, các lợi thế về uy tín sản phẩm, thương hiệu của Doanh nghiệp được giữ vững.

Công ty là đơn vị thi đua xuất sắc liên tục của thành phố nhiều năm, được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện uỷ Cát Hải, Sở thuỷ sản Hải Phòng, tập thể cán bộ CNLĐ, công ty có truyền thống đoàn kết năng động sáng tạo, phát huy nội lực, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

*** *Thành tích:***

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, nước mắm Quang Hải được công nhận là thương hiệu mạnh của vùng Duyên Hải Bắc Bộ và được xét tặng:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2005-2007)
- Bằng khen của Tổng cục Thuế về “Thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế” năm 2011-2013”.
- Huy chương vàng tại hội chợ ẩm thực và thực phẩm Việt Nam Best food năm 2011.
- Cúp vàng hội chợ hội nhập và phát triển năm 2004.0
- huy chương vàng về hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2003-2007.
- cúp vàng thương hiệu an toàn thực phẩm vì sức khỏe cộng đồng năm 2007-2008.
- Cúp vàng “Thương hiệu truyền thống và báu vật gia truyền nổi tiếng Việt Nam” lần thứ nhất năm 2012.
- Bằng khen “Sản phẩm Công nghiệp Nông thôn tiêu biểu” năm 2013.

- Giải thưởng chất lượng quốc gia Châu Á Thái Bình Dương năm 2015.





2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

a. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

Là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân thực hiện hoạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh trong phạm vi số vốn do công ty quản lý kinh doanh, trong phạm vi ngành nghề được cho phép.

Thực hiện đầy đủ theo luật pháp đối với tất cả các nhân viên như: trả lương, trả thưởng, quỹ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... xử lý lao động, bảo đảm an toàn lao động, an toàn tài sản vật tư, bảo đảm hiệu quả cao trong kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp thuế, nộp lệ phí...

Đáp ứng đầy đủ, chu đáo các yêu cầu của khách hàng, bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm, giữ được nét cổ truyền đảm bảo đúng thời gian phân huỷ của nguyên liệu mới đưa vào sản xuất luôn giữ được “Hương thơm vị đượm, giàu dinh dưỡng” mà đã lưu truyền qua các thế hệ mà chưa có sản phẩm nào của các đối thủ cạnh tranh đạt được bí quyết này.

Luôn luôn xây dựng uy tín, tạo dựng lòng tin trong tâm trí khách hàng, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng phục vụ để phục vụ nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

Ngành nghề kinh doanh của công ty là: sản xuất các loại nước mắm; Xuất nhập khẩu trực tiếp các ngành nghề kinh doanh của công ty.

b. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Hiện nay công ty đang hoạt động và chuyên sản xuất tương đối đa dạng hàng hoá sau:

TT	Loại sản phẩm	Số công bố	Số tiêu chuẩn	Số chứng nhận sản phẩm
1	Nước mắm Đặc Biệt	01/CH	TCVN5107-2003	301/2006/YTHP-CNTC
2	Nước mắm Thượng Hạng	02/CH	TCVN5107-2003	301/2006/YTHP-CNTC

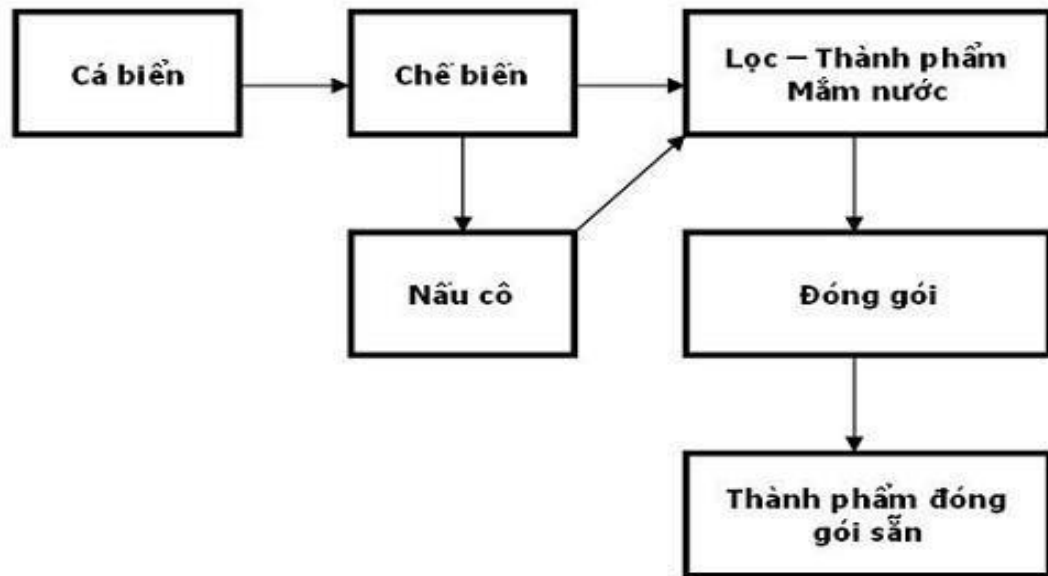
3	Nước mắm Hạng 1	03/CH	TCVN5107- 2003	299/2006/YTHP-CNTC
4	Nước mắm Hạng 2	04/CH	TCVN5107- 2003	305/2006/YTHP-CNTC
5	Nước mắm Vị Hương	01	01/2006(TCCS)	296/2006/YTHP-CNTC
6	Nước mắm Cao Đạm	02	02/2006(TCCS)	303/2006/YTHP-CNTC
7	Nước mắm Cốt cá nhâm	03	03/2006(TCCS)	302/2006/YTHP-CNTC
8	Nước mắm Cá Quắn	02	05/2006(TCCS)	306/2006/YTHP-CNTC
9	Nước Mắm Cá Mực	06	06/2006(TCCS)	310/2006/YTHP-CNTC
10	Nước Mắm Hạng 1B	07	07/2006(TCCS)	304/2006/YTHP-CNTC
11	Cốt Mắm Tôm	08	08/2006(TCCS)	307/2006/YTHP-CNTC
12	Nước mắm loại 22 đậm	09	08/2006(TCCS)	308/2006/YTHP-CNTC
13	Nước mắm loại 18 đậm	10	10/2006(TCCS)	309/2006/YTHP-CNTC
14	Mắm tôm Cát Hải	11	01/2006(TCCS)	295/2006/YTHP-CNTC
15	Nước mắm Hạng 1B - Bổ sung Sắt	04	04/2006/CH	6130/2006/YT-CNTC
16	Nước mắm Thượng hạng - Bổ sung sắt	12	14/2006/CH	624/2007/YT-CNTC

*** Năng lực sản xuất cơ cấu sản phẩm: 850.000 lít/Năm**

* Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

Công ty có quy trình công nghệ sản xuất liên tục, bao gồm nhiều giai đoạn, với hình thức mua nguyên liệu tự sản xuất để bán

QUY TRÌNH SẢN XUẤT NƯỚC MẮM CÁ HẢI



Công ty sản xuất sản phẩm theo quy trình công nghệ cổ truyền phơi khô đánh quậy. Từ khi sản xuất, nguyên vật liệu (cá, muối) đưa vào chế biến chượp, đủ thời gian phân huỷ từ chượp đưa vào lọc, nấu cơ tạo ra sản phẩm (nước mắm). Nước mắm được đóng chai, dán mác và đưa vào tiêu thụ.





2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

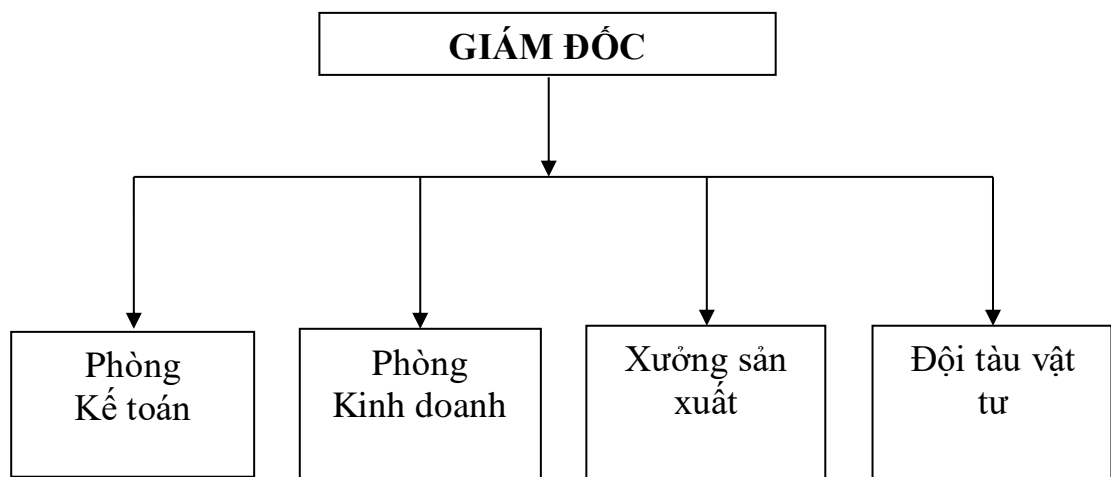
Công ty có đội ngũ công nhân viên hầu hết đã qua các trường lớp đào tạo, đội ngũ cán bộ quản lý đều có trình độ đại học và trên đại học. Nhân viên có kinh nghiệm thực tế, Ban giám đốc Công ty có sự năng động, nhạy bén trong công tác quản lý điều hành và nắm bắt thị trường.

- Bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo quản lý và hoạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả.

- Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán có trình độ cao, năng lực, nhiệt tình và trung thực phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán.

Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và có hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Quang Hải



* Chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

Giám đốc: là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt

động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty.

Các phòng ban: Mỗi phòng ban đều có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau tạo thành quy trình khép kín có hiệu quả.

- **Phòng kế toán:** Chịu trách nhiệm về mặt tài chính kế toán và lập kế hoạch cho các sản phẩm của công ty. Tổ chức quản lý các nguồn vốn, xác định số tài sản vật tư, tiền vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạch toán kế toán đúng chế độ, đúng pháp luật, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và hiệu quả. Qua đó phân tích đánh giá xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó cùng các phòng ban chức năng khác lên kế hoạch tăng trưởng và phát triển đưa công ty đi lên. Quyết toán các khoản tiền lương, BHXH đúng hạn cho CBCNV toàn công ty. Lưu giữ hồ sơ, các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đủ đúng hạn các khoản phải nộp NSNN, các quỹ để lại, cấp trên.

- **Phòng kinh doanh:** Có chức năng khảo sát thị trường để lên kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, có định hướng bán hàng cho từng khu vực, đại lý của công ty. Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát các công đoạn của quy trình công nghệ. Quản lý các loại thiết bị trong sản xuất, lập kế hoạch bảo trì sửa chữa toàn bộ, lập hồ sơ theo dõi thiết bị và tình trạng của thiết bị để đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định. Thiết kế sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến công tác sáng kiến sáng tạo hợp lý hoá sản xuất. Xây dựng và tổ chức ban hành quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm. Trực tiếp quản lý các thiết bị giám sát kiểm tra và đo lường.

- **Xưởng sản xuất:** có nhiệm vụ chế biến, nấu lọc nước mắm và đóng gói sản phẩm.

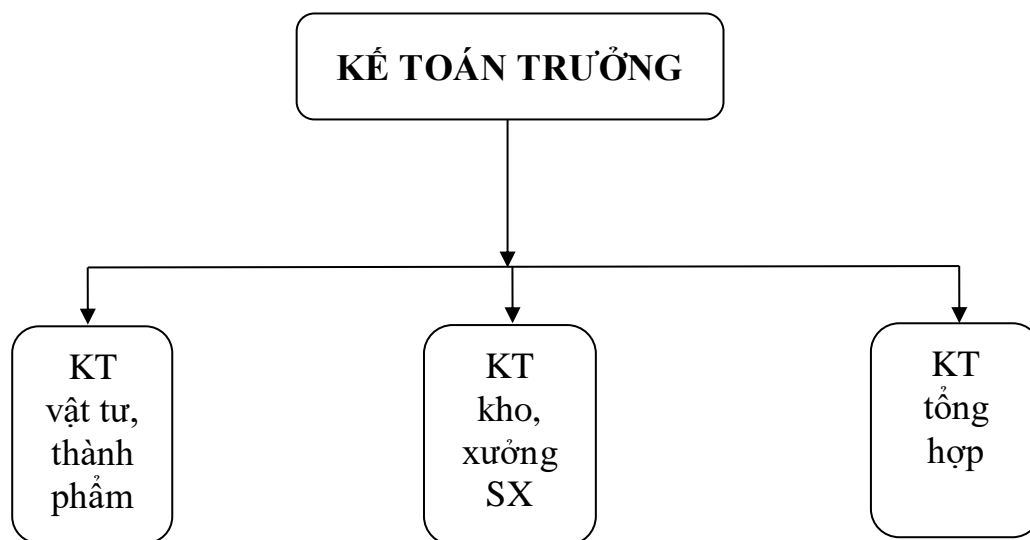
- **Đội tàu vật tư:** chịu trách nhiệm thu mua và vận chuyển nguyên vật liệu, chuyên chở nước mắm đến với các đại lý, trung tâm tiêu thụ sản phẩm.

2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

a. Mô hình tổ chức

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Toàn công ty có một phòng Kế hoạch - Kế toán, mọi chứng từ số liệu gửi về đây, tại đây sẽ tổ chức mọi hoạt động thống kê, ghi chép và tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm và các công tác kế toán khác.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Quang Hải



* Chức năng, nhiệm vụ:

- **Kế toán trưởng:** điều hành hoạt động của Phòng kế toán. Chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Quản lý tất cả các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán, hợp đồng xây dựng mới, hợp đồng sửa chữa...theo kế hoạch sản xuất xây dựng của công ty. Kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, giá thành sản phẩm.

- **Kế toán vật tư, thành phẩm:** Chịu trách nhiệm cập nhật, theo dõi và quản lý xuất nhập tồn kho nguyên liệu, bán thành phẩm và CCDC dựa trên các chứng từ, số liệu của các phòng ban, bộ phận trong công ty. Chịu trách nhiệm theo dõi và lập bảng phân bổ CCDC dài hạn với những dụng cụ có giá trị lớn. Cập nhật các khoản chi phí phát sinh liên quan đến sản xuất sản phẩm hàng tháng theo số liệu thông báo của kế toán thanh toán. Theo dõi tập hợp các chi phí phát sinh về vật tư bao bì đóng gói sản phẩm và chi phí xây dựng, sửa chữa TSCĐ.

- **Kế toán kho, xưởng sản xuất:** trực thuộc xưởng sản xuất, thống kê số liệu.

- **Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm phụ trách tập hợp tất cả số liệu của các phân hành khác nhau để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay Giám đốc.

b. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 133/2016 TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng

+ Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Qui đổi thống nhất về Việt Nam đồng

+ Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

- Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Theo nguyên giá

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao theo đường thẳng

- Kế toán thuê theo phương pháp khấu trừ.

- Chế độ đối với HTK

+ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Đánh giá theo giá trị thực tế

+ Phương pháp tính giá xuất kho là: Bình quân gia quyền cả kỳ

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

c. Hình thức sổ kế toán

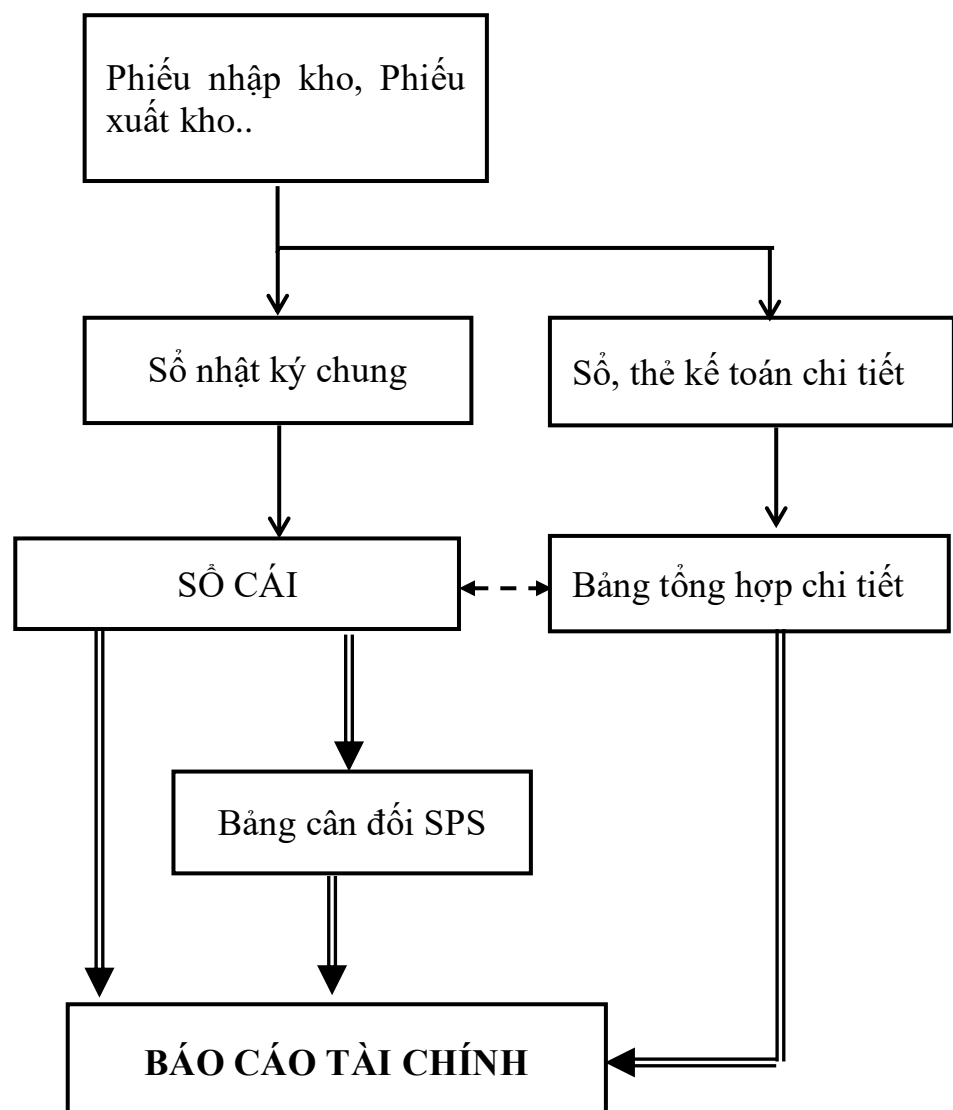
Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định, căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ kế toán của Nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm

hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty áp dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung", hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ chi tiết TK
- + Sổ cái các TK
- + Bảng tổng hợp chi tiết TK

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung được lập theo sơ đồ 2.2

Sơ đồ 2.2: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày



- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

2.2 Thực trạng công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH Quang Hải

2.2.1 Đặc điểm NVL tại công ty

Công ty TNHH Quang Hải là một công ty chuyên chế biến và sản xuất nước mắm cho nên nhu cầu về NVL khá lớn. Chúng loại NVL cung cấp cho quá trình sản xuất cũng phong phú, đa phần vật liệu cần được chế biến ngay khi mua để đảm bảo chất lượng sản phẩm điều kiện bảo quản khắt khe nên cần được quản lý chặt chẽ và ít được lưu kho. Bên cạnh đó NVL của công ty chủ yếu là hàng hải sản tươi sống nên giá cả sẽ có chút biến động theo chất lượng NVL thu mua.

Những đặc điểm trên khiến công tác quản lý NVL của công ty rất chặt chẽ. Công ty quản lý chặt chẽ NVL, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả NVL chính để giảm giá thành sản phẩm, góp phần tăng lợi nhuận.

Nguyên vật liệu của công ty được hạch toán trên tài khoản 152 – Nguyên vật liệu.

2.2.2 Phân loại NVL tại công ty

Nguyên vật liệu của công ty nhiều chủng loại, khác nhau về công dụng, tính năng lý hóa, phẩm cấp chất lượng. Do vậy để quản lý và hạch toán NVL cần phải tiến hành phân loại NVL.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý, nội dung kinh tế và công dụng NVL của công ty được phân loại như sau:

- + Nguyên vật liệu chính: Các loại cá, muối,...
- + Nguyên vật liệu phụ: phụ gia công nghiệp, đường,....

2.2.3 Tính giá NVL tại công ty

* Đối với NVL nhập kho:

Nguyên vật liệu của công ty được nhập kho chủ yếu là do mua ngoài. Về nguyên tắc đánh giá vật liệu nhập kho là phải theo đúng giá thực tế. Giá này được xác định theo từng nguồn nhập vật liệu tức là kế toán phải phản ánh đầy đủ chi phí thực tế công ty bỏ ra để có được vật liệu đó. Khi tổ chức kế toán vật tư, do yêu cầu phản ánh chính xác giá trị nguyên vật liệu nên khi nhập kho công ty đã sử dụng giá thực tế.

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá mua trên hoá đơn} + \text{Chi phí mua}$$

- Công ty áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua thực tế là giá chưa có thuế GTGT. Thuế GTGT đầu vào khi mua nguyên vật liệu và thuế GTGT đầu vào của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản,...được khấu trừ và hạch toán vào tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”

- Với chi phí mua gồm: chi phí Vận chuyển, chi phí giao nhận hàng hóa nhập khẩu, chi phí mua vật tư (lương cán bộ vật tư), Chi phí khác: (như bảo hiểm, bốc xếp, chi phí hao hụt vật tư).

* Đối với NVL xuất kho:

Tại công ty TNHH Quang Hải, kế toán dùng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng) để phản ánh trị giá thực tế xuất kho của nguyên vật liệu

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn} + \text{Số lượng nhập}}$$

	đầu kỳ		trong kỳ
Trị giá thực tế NVL xuất kho	=	Số lượng NVL xuất kho	x Đơn giá bình quân gia quyền

VD: Theo PX số 215 ngày 13/12/2017 thì cty xuất 330kg muối chế biến chượp.

Tồn đầu tháng 12 của muối là: 64.241kg đơn giá 1.786

Nhập trong tháng 12 của muối là: 150.000kg đơn giá 1.800

Vậy đơn giá xuất kho bình quân tháng 12 của muối sẽ được tính như sau

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{64.241 \times 1.786 + 150.000 \times 1.800}{64.241 + 150.000} = \mathbf{1.796 \text{ đ/kg}}$$

Đơn giá này được tính vào cuối tháng và được áp dụng cho tất cả các lần xuất ở trong tháng.

Trị giá thực tế xuất kho của 330kg muối là : 330 x 1.796 = 592.680đồng.

VD: Theo PX số 214 ngày 13/12/2017 thì cty xuất 1.470kg cá Nhâm chế biến chượp.

Tồn đầu tháng 12 của cá nhâm là: 79kg đơn giá 6.600

Nhập trong tháng 12 của cá nhâm là: 870.550kg đơn giá 6.600

Vậy đơn giá xuất kho bình quân tháng 12 của muối sẽ được tính như sau

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{79 \times 6.600 + 870.550 \times 6.600}{79 + 870.550} = \mathbf{6.600 \text{ đ/kg}}$$

Đơn giá này được tính vào cuối tháng và được áp dụng cho tất cả các lần xuất ở trong tháng.

Trị giá thực tế xuất kho của 1.470kg cá Nhâm là : 1.470 x 6.600 = 9.702.000đồng.

2.2.4 Thủ tục nhập kho, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu mua hàng;
- Phiếu nhập kho (mẫu số 01-VT);
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).

*** Thủ tục nhập kho:**

Tại Công ty TNHH Quang Hải việc cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu là do mua ngoài. Phòng kinh doanh sẽ căn cứ vào kế hoạch sản xuất và nhu cầu thực tế dưới phân xưởng sản xuất, đề trình lên giám đốc ký duyệt việc mua nguyên vật liệu. Khi được giám đốc ký duyệt thì phòng kinh doanh sẽ chuyển kế hoạch thu mua cho đội tàu vật tư. Đội tàu vật tư sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm về việc thu mua nguyên vật liệu.

Theo thủ tục nhập kho của Công ty thì nguyên vật liệu mua sẽ được phòng kế toán kết hợp với thủ kho tiến hành kiểm nghiệm về số lượng và chất lượng nguyên vật liệu trước khi nhập kho. Sau khi tiến hành kiểm tra, thủ kho xem xét cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng của vật tư ghi trên hoá đơn với số mang về, đối chiếu giữa hoá đơn và thực tế. Nếu trùng khớp kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn mua hàng để lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên với đầy đủ các chữ ký gốc.

Liên 1: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 2: Chuyển cho kế toán làm căn cứ ghi sổ

Liên 3: Lưu tại cuốn.

VD 1: Ngày 7/12/2017 Công ty mua muối của Bà Minh – Cát Hải theo phiếu mua hàng số 201 (Biểu 2.1). Tổng số tiền là 21.600.000. Hàng đã được nhập kho đầy đủ theo PN số 143 (Biểu 2.2).

VD 2: Ngày 13/12/2017 Công ty mua cá của Bà Hải – Thủy Nguyên theo phiếu mua hàng số 123 (Biểu 2.3). Tổng số tiền là 9.702.000. Hàng đã được nhập kho đầy đủ theo PN số 144 (Biểu 2.4).

Số:201

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Ngày 7 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Bà Minh

Địa chỉ: Cát Hải

Họ và tên người mua hàng: Hòa (tàu 2075)

Địa chỉ: Công ty TNHH Quang Hải

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Muối hạt nhỏ	kg	12.000	1.800	21.600.000
Cộng:			12.000		21.600.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Số:123

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Bà Hải

Địa chỉ: Thủy Nguyên

Họ và tên người mua hàng: Hòa (tàu 2075)

Địa chỉ: Công ty TNHH Quang Hải

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cá Nhâm	kg	1.470	6.600	9.702.000
Cộng:			1.470		9.702.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu bảy trăm linh hai nghìn đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - VT
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 7 tháng 12 năm 2017

Số: 112

Họ tên người giao: Bà Minh

Theo: Phiếu mua hàng, ngày 7/12/2017 số 201

Nhập tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Theo nhập		
1	Muối hạt nhỏ		kg	12.000	12.000	1.800	21.600.000
	Cộng						21.600.000

- Tổng số tiền viết bằng chữ:

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 7 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - VT
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 13 tháng 12 năm 2017
Số: 144

Họ tên người giao: Bà Hải

Theo: Phiếu mua hàng, ngày 13/12/2017 số 123

Nhập tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Theo nhập		
1	Cá Nhâm		kg	1.470	1.470	6.600	9.702.000
	Cộng						9.702.000

- Tổng số tiền viết bằng chữ:

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

*** Thủ tục xuất kho:**

Do đặc thù của nguyên vật liệu có thời hạn bảo quản ngắn nên để đảm bảo chất lượng, nguyên vật liệu được mua về theo kế hoạch sản xuất và được xuất kho đưa vào chế biến hết trong ngày hoặc sau 1 ngày. Kế toán dựa trên hạn mức vật tư để viết phiếu xuất kho, số lần xuất không hạn chế, nhưng số lượng xuất không vượt quá hạn mức quy định.

Phiếu xuất kho cũng được lập thành 3 liên:

+ Một liên : Lưu tại công

+ Một liên : Giao cho thủ kho

+ Một liên : Giao cho phòng kế toán

VD: Biểu số 2.5 PX số 214 ngày 13/12/2017 xuất cá Nhâm chế biến;

Biểu số 2.6 PX số 215 ngày 13/12/2017 xuất muối chế biến.

Công ty TNHH Quang Hải

Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Số: 214

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Tiến

Bộ phận: Chế biến

Lý do xuất kho: Chế biến chượp

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Cá Nhâm		kg		1.470		
	Cộng				1.470		

Tổng số tiền viết bằng chữ:

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT
Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Số: 215

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Tiến

Bộ phận: Chế biến

Lý do xuất kho: Chế biến chượp

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Muối hạt nhỏ		kg		330		
	Cộng				330		

Tổng số tiền viết bằng chữ:

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

2.2.5 Kế toán chi tiết NVL tại công ty

Công ty TNHH Quang Hải tổ chức công tác kế toán chi tiết NVL theo phương pháp ghi thẻ song song. Việc áp dụng phương pháp này ở công ty được tiến hành như sau:

* **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho (biểu 2.7) để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được chứng từ nhập xuất vật tư thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của chứng từ đó rồi tiến hành nhập xuất vật tư. Cuối ngày phân loại chứng từ để ghi thẻ kho. Mỗi loại vật tư được ghi vào một tờ thẻ. Mỗi chứng từ được ghi một dòng trên tờ thẻ theo số, ngày của chứng từ. Phiếu nhập kho ghi cột nhập, phiếu xuất kho ghi cột xuất. Sau mỗi lần nhập, xuất thủ kho tính ra số tồn kho. Cuối tháng thủ kho xác định tổng số nhập, xuất của từng thứ NVL trên thẻ kho

*** Ở phòng kế toán:**

Khi nhận được chứng từ nhập xuất vật tư kế toán vật liệu kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi ghi vào sổ chi tiết vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

- Chỉ tiêu giá trị của vật tư nhập trong tháng ở sổ chi tiết của từng thứ vật tư được tính bằng giá mua cộng chi phí vận chuyển, bốc dỡ đã được phân bổ.

- Chỉ tiêu giá trị của vật tư xuất trong tháng ở sổ chi tiết vật tư được xác định theo đơn giá bình quân gia quyền.

- Cuối tháng kế toán tính ra giá trị tồn kho vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

- Do công ty tính giá trị NVL xuất kho theo đơn giá bình quân gia quyền cả kì, nên mỗi lần xuất chưa xác định được ngay đơn giá xuất. Đến cuối tháng xác định được đơn giá bình quân kế toán lập phiếu tổng hợp xuất vật liệu

Cuối tháng, sau khi phản ánh toàn bộ nghiệp vụ nhập xuất vào sổ, kế toán tiến hành cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và số tồn kho của từng loại vật tư. Sau đó kế toán và thủ kho đối chiếu số liệu trên thẻ kho (biểu 2.7) với sổ chi tiết vật tư (biểu 2.8), nếu thấy số liệu chính xác thì kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

Công việc tiếp theo là kế toán căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật tư (biểu 2.9).

Công ty TNHH Quang Hải Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng			Mẫu số: 08 - DNN <i>Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC</i>				
THẺ KHO							
Người lập thẻ: Nguyễn Phương Anh							
Tờ số:							
- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Cá Nhâm							
- Đơn vị tính: kg							
- Mã số:							
Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn ngày 1/12			79	
			
13/12	PN 144	13/12	Nhập cá của bà Hải	1.470			
13/12	PX 214	13/12	Xuất cá chế biến chượp		1.470		
			
18/12	PN156	18/12	Nhập cá của ông Nguyễn	6.527			
			
			Cộng cuối tháng	870.550	870.577	52	
Ngày tháng 12 năm 2017							
Người lập biểu		Kế toán trưởng			Giám đốc		

Biểu số 2.7: Thẻ kho

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: 08 - DNN
Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

THẺ KHO

Người lập thẻ: Nguyễn Phương Anh
Tờ số:

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Muối
- Đơn vị tính: kg
- Mã số:

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn ngày 1/12			64.241	
			
7/12	PN112	7/12	Nhập muối của bà Minh	12.000			
9/12	PN118	9/12	Nhập muối của bà Minh	6.527			
			
13/12	PX215	13/12	Xuất chế biến chượp		330		
			
			Cộng cuối tháng	150.000	14.000	200.241	

Ngày tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: S07 - DNN
Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU (CCDC, SP, HH)

Tháng 12 năm 2017

Tài khoản: 152

Tên, quy cách vật liệu: Cá Nhâm

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Lượng	T. tiền	Lượng	T. tiền	Lượng	T. tiền
		Số dư đầu tháng							79	521.400
	
PN 144	13/12	Nhập cá của bà Hải	111	6.600	1.470	9.702.000			1.470	
PX 214	13/12	Xuất cá chế biến chượp	154				1.470		0	
	
PN156	18/12	Nhập cá của ông Nguyễn	111	6.600	6.527	43.078.000				
	
		Cộng cuối tháng			870.550	5.745.630.000	870.577	5.745.808.200	52	343.200

Ngày tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.8:

Biểu số 2.8:

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: S06 - DNN
Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU (CCDC, SP, HH)

Tháng 12 năm 2017

Tài khoản 152

Tên, quy cách vật liệu: Muối hạt nhỏ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Lượng	T.tiền	Lượng	T.tiền	Lượng	T.tiền
		Số dư đầu tháng		1.786					64.241	114.734.426
	
PN112	7/12	Nhập muối của bà Minh	111	1.800	12.000	21.600.000				
PN118	9/12	Nhập muối của bà Minh	111	1.800	30.000	54.000.000				
			
PX215	13/12	Xuất chế biến chượp	154				330			
			
		Cộng cuối tháng			150.000	270.000.000	14.000	25.147.826	200.241	359.586.600

Ngày tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.9:

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số: S07 - DNN
Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU (CCDC, SP, HH)

Từ 01/12 đến 31/12 năm 2017

Tài khoản 152

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Cá Nhâm	521.400	5.745.630.000	5.745.808.200	343.200

5	Muối	114.734.426	270.000.000	25.147.826	359.586.600
6	Mắm tôm đặc	90.066.000	-	680.000	89.386.000

	Cộng	11.621.485.990	903.292.629	838.753.000	11.686.025.619

Ngày tháng 12 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

2.2.6 Kế toán tổng hợp NVL tại công ty

* Phương pháp kế toán sử dụng

- Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên : Kế toán phải ghi chép thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hoá trên các tài khoản kế toán sử dụng.

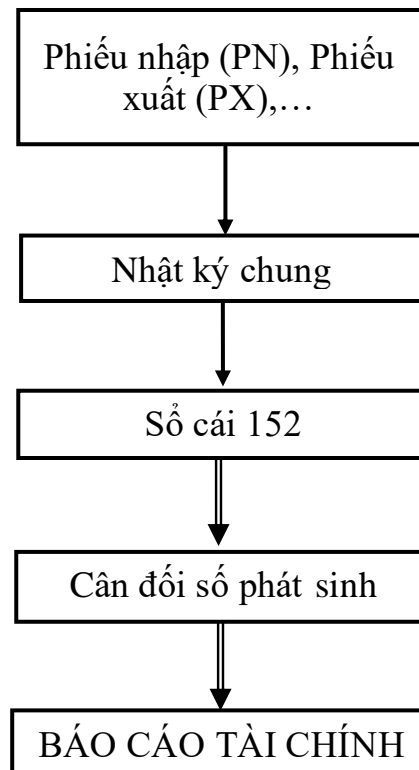
- Việc xác định giá vốn thực tế của vật tư, hàng hoá được tính căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

* Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu
- Các tài khoản có liên quan khác: 622, 111,...

* Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty



VD: tiếp vd bên trên, căn cứ từ PN 112, 144 và PX 214, 215 kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung (biểu số 2.10)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2017

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
		
05/12	PT98	05/12	Rút tiền gửi ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu về nhập quỹ	111	150.000.000	
05/12	PT98	05/12	Tiền gửi ngân hàng GPBank	1121 GPB		150.000.000
		
7/12	PN112	7/12	Mua muối của bà Minh	152	21.600.000	
7/12	PN112	7/12	Thanh toán tiền mua muối	111		21.600.000
.....		
13/12	PN144	13/12	Mua cá Nhâm của bà Hải	152	9.702.000	
13/12	PN144	13/12	Thanh toán tiền mua cá	111		9.702.000
31/12	PX214	13/12	Xuất cá Nhâm chế biến chượp	154	9.702.000	
31/12	PX214	13/12		152		9.702.000
31/12	PX215	13/12	Xuất muối chế biến chượp	154	592.680	
31/12	PX215	13/12		152		592.680
		
31/12	PX278	25/12	Xuất muối nấu mắm	154	3.592000	
				152		3.592000
		
X	X	X	Cộng phát sinh	X	14.037.830.617	14.037.830.617

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Quang Hải
Khu 1, TT Cát Hải, Huyện Cát Hải, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

SỔ CÁI

Tháng 12/2017
Tên tài khoản: Nguyên vật liệu
Số hiệu: 152

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>11.621.485.990</u>	
			Số phát sinh			
		
7/12	PN112	7/12	Mua muối của bà Minh	111	21.600.000	
		
13/12	PN144	13/12	Mua cá Nhâm của bà Hải	111	9.702.000	
31/12	PX214	13/12	Xuất cá Nhâm chế biến chượp	154		9.702.000
31/12	PX215	13/12	Xuất muối chế biến chượp	154		592.680
		
31/12	PX278	25/12	Xuất muối nấu mắm	154		3.592000
		
			Cộng số phát sinh		903.292.629	838.753.000
			Số dư cuối kỳ		<u>11.686.025.619</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK152 (Biểu số 2.11)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH QUANG HẢI

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải.

Trong suốt quá trình từ khi thành lập đến nay, trải qua 15 năm trưởng thành và phát triển, công ty đã dần khẳng định được vị thế của mình, gặt hái được nhiều thành công, hoạt động kinh doanh cũng được củng cố và nâng cao. Đóng góp vào thành công đó, bên cạnh sự cố gắng của đội ngũ công nhân viên sản xuất trong công ty thì không kể đến sự cố gắng nỗ lực của các nhân viên kế toán.

Trong quá trình thực tập tại Công ty em đã nhận được hướng dẫn của thầy cô giáo cùng sự giúp đỡ tạo điều kiện của Ban giám đốc, đặc biệt là các chị phòng kế toán đã cho em tiếp cận với công tác tổ chức kế toán đặc biệt là phần hành kế toán nguyên vật liệu, giúp em có thêm kiến thức thực tế, bổ sung những kiến thức được tiếp thu tại giảng đường, có cách nhìn đầy đủ, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và công tác tổ chức hạch toán kế toán nói riêng. Qua tìm hiểu em có những nhận xét như sau:

3.1.1. Ưu điểm.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn mô hình kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán nguyên vật liệu diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

+ Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Hơn thế nữa, một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán khá đầy đủ và hiện đại. Mỗi một nhân viên kế toán được trang bị máy vi tính có nối mạng để dễ chia sẻ và tổng hợp số liệu.

- **Về hình thức sổ kế toán:** Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ áp dụng khá phổ biến hiện nay. Hình thức sổ Nhật ký chung có các ưu điểm: hạn chế số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp nhất với việc áp dụng kế toán trên máy vi tính.

- **Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng:** nhìn chung phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với đặc điểm của công ty, đã đáp ứng được yêu cầu quản lý.

+ **Về chứng từ kế toán:** được sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ phát sinh. Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

+ **Về hệ thống tài khoản sử dụng** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán mở tài khoản cấp hai của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

- **Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu:**

+ Công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Phương pháp này đã giúp công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu, chính xác, kịp thời là một lựa chọn đúng đắn của công ty.

+ Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

+ Mặt khác, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ lâu năm với những đơn vị cung ứng nguyên vật liệu nên giá cả tương đối ổn định, đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại, từ đó tránh được tình trạng thiếu hụt, gián đoạn sản xuất. Kết hợp với hệ thống kho tàng của Công ty được trang bị khá đầy đủ về các phương tiện đo lường, đảm bảo quy cách. Vật tư được sắp xếp khoa học, thuận tiện cho việc xuất nhập kho và kiểm tra.

+ Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của công ty đạt hiệu quả cao. Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ chế biến sản xuất sản phẩm giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hoá lợi nhuận cho công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho lãnh đạo đưa ra được những quyết định cụ thể về hoạt động quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Cụ thể:

- **Về Ban kiểm nghiệm vật tư:** Công ty chưa có thành lập ban kiểm nghiệm vật tư trước khi nhập kho. Hàng hóa mua về chưa có sự kiểm tra chặt chẽ về chất lượng, quy cách đã được cho nhập kho.

- **Về việc luân chuyển chứng từ:**

Chứng từ kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển phiếu xuất từ phân xưởng đến kho và từ kho lên phòng kế toán còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Bên cạnh đó, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng kế toán để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng từ tháng này sang tháng khác gây nên tình trạng lộn xộn trong việc sắp xếp và đóng chứng từ.

Việc luân chuyển chứng từ giữa các vị trí như kho, xưởng sản xuất và kế toán thường xuyên diễn ra. Tuy nhiên, giữa các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi bị mất chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

- **Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:**

Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, cụ thể là đã trang bị máy vi tính cho phòng kế toán. Song việc ứng dụng mới chỉ dừng lại ở việc tính toán số liệu trên excel, lưu trữ tài liệu, công tác kế toán vẫn còn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống, vẫn chưa giảm bớt thời gian trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo kế toán. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

3.2.Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty TNHH Quang Hải.

3.2.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL.

Thứ nhất, do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán vừa mang tính

định tính vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà còn rất quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ xung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Công ty cần đưa ra những quyết định để tiết kiệm chi phí NVL đầu vào, giảm giá thành, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng sẽ đảm bảo cho việc cung cấp kịp thời, đồng bộ, chính xác khối lượng định mức dự trữ, tiêu hao vật tư, ngăn ngừa các hiện trạng hư hao, mất, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình thu mua, bảo quản và xuất NVL ra sản xuất.

3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện công tác kế toán NVL.

Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán NVL nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Việc hoàn thiện công tác kế toán NVL phải phù hợp với chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Mặc khác, việc hoàn thiện kế toán nghiệp vụ NVL phải tính đến xu thế của nó trong tương lai. Điều này thực hiện việc hoàn thiện không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành mà phải xem xét hoàn thiện sao cho kịp với chuẩn mực quốc tế.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho những người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu hơn về thực tế tình hình tài chính của doanh nghiệp.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH Quang Hải.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn, em xin đề xuất 1 số ý kiến. Theo em công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để làm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty:

*** Ý kiến 1: Thành lập ban kiểm nghiệm vật liệu:**

Vật liệu mua về trước khi nhập kho cần phải kiểm nhận để xác định số lượng chất lượng và quy cách thực tế vật tư. Do đó Công ty cần phải lập Ban kiểm nghiệm vật liệu bao gồm những người chịu trách nhiệm về vật liệu ở công ty, trong đó người chịu trách nhiệm chính là thủ kho. Trường hợp chưa có hoá đơn phải căn cứ vào hợp đồng mua bán để kiểm nhận. Trong quá trình kiểm nhận vật liệu nhập kho, nếu phát hiện vật liệu thừa, thiếu hoặc sai quy cách, phẩm chất phải lập biên bản xây dựng rõ nguyên nhân để tiện cho việc xử lý về sau.

Nếu vật liệu mua về Công ty nhận đủ số lượng, chất lượng tốt, đúng quy cách thì Ban kiểm nghiệm cũng phải lập biên bản xác nhận.

*** Ý kiến 2: Hiện đại hóa công tác kế toán.**

Công ty nên xem xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên phòng kế toán và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán để công ty lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, SMART, VACOM,... sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, giúp phòng kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, khoa học và đạt hiệu quả cao.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị hệ thống máy vi tính để phục vụ công việc kế toán. Đây là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán trong công ty.

- *Phần mềm Kế toán SMART*: Đây là phần mềm thông dụng và phổ biến hiện nay. Bên cạnh những biểu mẫu tiếng Việt theo quyết định mới nhất, Smart còn có một số mẫu biểu báo cáo tiếng Anh, Báo cáo song ngữ Anh-Việt như: Phiếu Thu, Phiếu Chi, Phiếu Nhập Kho, Phiếu Xuất Kho, Báo Cáo Doanh Thu Chi Phí, Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh, Lưu Chuyển Tiền Tệ, Bảng Cân Đối Kế Toán, Bảng Cân Đối Phát Sinh... để phục vụ cho một số bạn làm kế toán cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.



- Phần mềm kế toán Fast Accounting

Đây là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển liên tục và hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 9.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Cup CNTT,...



- Phần mềm MISA SME.NET 2012

Đây là phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với MISA, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào thông qua internet.



Công ty nên chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET vì giá thành hợp lý, tính năng cao, giao diện dễ sử dụng và nó đầy đủ các phần hành kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập và xử lý số liệu kế toán.

KẾT LUẬN

Một lần nữa ta có thể khẳng định được kế toán vật liệu có tầm quan trọng trong công tác quản lý kinh tế bởi vì vật liệu chính là một trong ba yếu tố cơ bản không thể thiếu được trong quá trình sản xuất ở bất kỳ một đơn vị sản xuất kinh doanh nào. Kế toán vật liệu giúp cho các đơn vị sản xuất kinh doanh theo dõi được chặt chẽ về số lượng, chất lượng, chủng loại giá trị vật liệu nhập xuất trong kho từ đó đề ra những biện pháp hữu hiệu nhằm giảm chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho đơn vị mình.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Quang Hải do thời gian có hạn nên báo cáo thực tập này mới chỉ đi vào nghiên cứu 1 số vấn đề chủ yếu về cơ sở lý luận của công tác kế toán nguyên vật liệu nói chung của các đơn vị sản xuất và đi vào thực tế quản lý, hạch toán nguyên vật liệu ở Công ty TNHH Quang Hải.

- Về mặt lý luận : Em đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán vật liệu, từ đó có thể vận dụng thích hợp với từng doanh nghiệp cụ thể.

- Về mặt thực tế : Trên cơ sở khái quát thực trạng công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quang Hải, em đã đề xuất một số ý kiến cơ bản cũng như các biện pháp có thể nhằm đổi mới và hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng cũng như công tác hạch toán kế toán nói chung. Các ý kiến đề xuất trong bản báo cáo thực tập này có những vấn đề thực hiện dần từng bước qua thời gian thực tập tại Công ty, em thấy công ty đã cố gắng tận dụng một cách tốt nhất chế độ kế toán mới và luôn muốn hoàn thiện bộ máy kế toán của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như đã trình bày, nhưng em tin rằng với khả năng sẵn có và những cố gắng của công ty trong thời gian tới, những vấn đề còn tồn tại sẽ được giải quyết, công ty quản lý và hạch toán nguyên vật liệu sẽ hoàn thiện hơn, phục vụ đắc lực cho quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Trong thời gian thực tập ngắn ngủi, do hiểu biết của bản thân còn hạn chế nên em không thể tránh những sai sót. Vì vậy kính mong sự chỉ bảo và hướng dẫn tận tình của cô giáo cũng như các cô chú trong phòng kế toán của Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo công ty, các cô chú phòng kế toán và giảng viên Ths Nguyễn Thị Thúy Hồng đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này.